TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 5 - 2024.
"V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều;

Ông Đặng Duy Tân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Minh Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Kim C; Cư trú tại: Số 22, ấp Mỹ H, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm N; Cư trú tại: Ấp Tam S, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Kim C trình bày:

Ông Nguyễn Kim C có hợp tác làm ăn với ông Lâm N, ông N làm cò mua lúa, ông C đưa tiền cọc lúa cho ông N là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) để đặt cọc lúa cho các hộ dân với số lượng 1.375 công, các bên không có lập hợp đồng, không làm biên nhận. Sau khi giao tiền cọc lúa cho ông N thì ông C nhận được số lượng lúa là 200 tấn, trừ cọc lúa được 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), tiền cọc còn lại là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) thì ông N vẫn chưa trả tiền cọc cho ông C. Do không đòi được tiền nên ông C làm đơn gửi Công an xã Mỹ Thuận để giải quyết thì vào ngày 23/4/2023 Công an mời ông N lên làm việc, ông N thừa nhận còn nợ ông C 460.000.000 đồng và ký tên vào thỏa thuận việc trả tiền, ông C đồng ý bớt tiền cho ông N và chỉ yêu cầu ông N trả trước

cho ông C số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với điều kiện ông N phải trả tiền cho ông C 400.000.000 đồng trong 02 tháng theo thỏa thuận là ngày 23/5/2023 còn số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) thì trả mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến khi hết nợ. Tuy nhiên, đến nay ông N đã không thực hiện theo thoả thuận, do đó ông C xác định ông N còn nợ ông C số tiền 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Kim C yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông Lâm N có trách nhiệm trả cho ông C số tiền đặt cọc lúa là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Đối với bị đơn ông Lâm N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án thì cả gia đình của bị đơn không còn ở địa phương, cũng không cung cấp nơi cư trú mới cho Tòa án. Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự cho bị đơn được. Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự: Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lâm N nhận tiền cọc của nguyên đơn ông Nguyễn Kim C, ông C cung cấp Tờ thỏa thuận lập ngày 23 tháng 4 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn nhận tiền cọc của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lâm N đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lâm N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm N.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp Tam S, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đặt cọc. Trong quá trình nhận tiền cọc của nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền đặt cọc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

[4] Bị đơn nhận tiền của nguyên đơn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Tờ thỏa thuận lập ngày 23 tháng 4 năm 2023, trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc, bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn nhận tiền cọc của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn có nhận tiền cọc của nguyên đơn số tiền là 550.000.000 đồng, bị đơn cân lúa bán cho nguyên đơn trừ tiền cọc được số tiền là 90.000.000 đồng, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 460.000.000 đồng, giữa nguyên đơn và bị đơn có làm Tờ thỏa thuận lập ngày 23 tháng 4 năm 2023, có người chứng kiến là bà Trịnh Thanh H, cùng ký tên vào Tờ thỏa thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng"* và tại khoản 2 quy định: *"Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Căn cứ vào quy định này, số tiền cọc còn lại 460.000.000 đồng bị đơn không thực hiện giao lúa cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ chối việc giao kết thực hiện hợp đồng, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Từ những căn cứ trên có đủ cở sở buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc còn lại là 460.000.000 đồng.

[6]. Về phạt cọc: Do các bên không có yêu cầu phạt cọc do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí là 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 328, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Kim C. Buộc bị đơn ông Lâm N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.200.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002706 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh